

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 38
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tiền thân là Trung tâm Phát hành sách trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT -TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số D14-D6, Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch
Ông Cấn Hữu Hải	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Thành viên
Ông Hà Sỹ Tuyền	Thành viên
Ông Bùi Vũ Hùng	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cấn Hữu Hải	Giám đốc
Ông Bùi Vũ Hùng	Phó Giám đốc
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc
Ông Hà Sỹ Tuyền	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát của công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên
Bà Trần Thị Uyên	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2014

Số: /2014/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được lập ngày 03/03/2014 từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2014

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0762-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
100	A . TÀI SẢN NGẮN HẠN		120.470.776.089	153.669.962.416
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	39.176.892.341	63.021.506.536
111	1. Tiền		8.176.892.341	4.111.506.536
112	2. Các khoản tương đương tiền		31.000.000.000	58.910.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	20.705.184.245	8.795.812.102
121	1. Đầu tư ngắn hạn		20.705.184.245	8.795.812.102
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		25.350.130.392	40.968.271.427
131	1. Phải thu khách hàng		24.325.011.156	39.722.710.441
132	2. Trả trước cho người bán		1.707.966.517	441.005.511
135	3. Các khoản phải thu khác	5	1.238.943.765	2.573.831.252
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.921.791.046)	(1.769.275.777)
140	IV. Hàng tồn kho	6	32.905.865.392	38.418.949.393
141	1. Hàng tồn kho		35.119.373.283	41.059.385.448
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.213.507.891)	(2.640.436.055)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.332.703.719	2.465.422.958
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	817.578.067	781.732.308
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	359.984.603
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	8	1.515.125.652	1.323.706.047

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**(tiếp theo)*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		25.998.748.452	12.919.186.270
220	II . Tài sản cố định		2.772.286.528	3.559.425.536
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	531.786.528	1.572.760.015
222	- Nguyên giá		2.864.532.911	4.802.264.799
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.332.746.383)	(3.229.504.784)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	71.165.521
228	- Nguyên giá		-	167.617.546
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	(96.452.025)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	2.240.500.000	1.915.500.000
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	15.331.000.000	750.000.000
258	1. Đầu tư dài hạn khác		15.331.000.000	750.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		7.895.461.924	8.120.732.939
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.810.461.924	8.035.732.939
268	2. Tài sản dài hạn khác		85.000.000	85.000.000
269	VI. Lợi thế thương mại	14	-	489.027.795
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		146.469.524.541	166.589.148.686

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
			VND	VND
300	A . NỢ PHẢI TRẢ		24.980.207.579	39.901.939.276
310	I. Nợ ngắn hạn		24.934.207.579	39.855.939.276
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	690.000.000
312	2. Phải trả người bán		19.278.569.906	34.557.676.970
313	3. Người mua trả tiền trước		1.000.701.176	62.759.757
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	682.032.269	317.169.277
315	5. Phải trả người lao động		1.762.443.957	1.439.860.643
316	6. Chi phí phải trả	16	1.375.963.498	1.868.477.076
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	235.844.528	245.547.637
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		598.652.245	674.447.916
330	II. Nợ dài hạn		46.000.000	46.000.000
333	1. Phải trả dài hạn khác		46.000.000	46.000.000
400	B . VỐN CHỦ SỞ HỮU		121.289.316.962	125.433.788.153
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	121.289.316.962	125.433.788.153
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		102.194.840.000	102.194.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(252.296.518)	(252.296.518)
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	36.199.650
414	4. Cổ phiếu quỹ		(5.822.132.335)	(4.090.206.866)
417	5. Quỹ đầu tư phát triển		14.778.425.126	14.757.720.371
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		1.625.203.827	1.552.232.718
420	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.765.276.862	11.235.298.798
439	C . LỢI ÍCH CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ		200.000.000	1.253.421.257
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		146.469.524.541	166.589.148.686

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013*

Chỉ tiêu	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
1. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	1.274.468.988	433.058.764
2. Nợ khó đòi đã xử lý	686.187.200	398.797.116

Cần Hữu Hải

Giám đốc

*Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2014***Vũ Thị Minh Nguyệt**

Trưởng phòng Kế toán

Phạm Thị Hạnh

Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	123.807.117.379	147.765.044.050
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	78.840.674	231.196.168
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	123.728.276.705	147.533.847.882
11	4. Giá vốn hàng bán	22	94.626.296.413	118.315.017.026
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.101.980.292	29.218.830.856
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.915.525.182	9.100.229.877
22	7. Chi phí tài chính	24	51.058.434	1.053.237.426
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		9.346.173	80.108.322
24	8. Chi phí bán hàng	25	15.469.263.883	14.503.890.175
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8.098.127.712	8.374.586.186
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.399.055.445	14.387.346.946
31	11. Thu nhập khác	27	348.591.571	29.316.856.074
32	12. Chi phí khác	28	318.297.026	12.605.324.854
40	13. Lợi nhuận khác		30.294.545	16.711.531.220
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.429.349.990	31.098.878.166
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	1.872.272.552	6.765.837.404
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		8.557.077.438	24.333.040.762
61	16.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		(97.456.070)	104.810.562
62	16.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		8.654.533.508	24.228.230.200
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	912	2.607

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2014

Vũ Thị Minh Nguyệt

Trưởng phòng Kế toán

Phạm Thị Hạnh

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2013

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		123.938.479.443	144.852.257.218
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(101.569.471.075)	(130.314.643.131)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(10.873.938.133)	(11.074.878.972)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(51.058.434)	(80.108.322)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(1.149.834.099)	(8.229.317.850)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.099.290.179	3.793.960.315
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.911.917.800)	(6.996.076.548)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.481.550.081	(8.048.807.290)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(639.123.300)	(78.658.728)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(31.601.000.000)	(10.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.000.000.000	7.010.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.800.000.000	452.996.204
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		5.122.945.493	8.789.886.829
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(20.317.177.807)	5.674.224.305
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	2.213.953.220
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(1.731.925.469)	(190.405.984)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		856.000.000	3.450.361.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.513.000.000)	(2.760.361.000)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(9.620.061.000)	(9.195.328.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(12.008.986.469)	(6.481.780.764)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*Năm 2013**(Theo phương pháp trực tiếp)**(tiếp theo)*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(23.844.614.195)	(8.856.363.749)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		63.021.506.536	71.877.870.285
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>39.176.892.341</u>	<u>63.021.506.536</u>

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2014

Vũ Thị Minh Nguyệt

Trưởng phòng Kế toán

Phạm Thị Hạnh

Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Năm 2013***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tiền thân là Trung tâm Phát hành sách trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT -TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số D14-D6, Khu Đô thị mới Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 VND (Một trăm linh hai tỷ, một trăm chín mươi tư triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); Tương đương 10.219.484 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục ^[1]	Hà Nội	100%	100%	Bán buôn sách, báo, tạp chí được phép lưu hành, VPP...
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng ^[2]	Cao Bằng	55%	55%	Mua bán sách, tạp chí, bản đồ, giấy viết, dụng cụ học tập...

^[1]Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 14/06/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục là 50 tỷ VND. Theo Biên bản làm việc ngày 18/06/2010, Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội sẽ thực hiện góp vốn bằng 65% vốn điều lệ tương ứng với số tiền: 32,5 tỷ VND. Đến thời điểm 31/12/2013, Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội đã thực hiện góp vốn với số tiền là 1,1 tỷ VND (trong năm 2010) và 02 cá nhân đã góp với số tiền 200.000.000 VND (vào ngày 26/12/2013). Công ty vẫn thực hiện hợp nhất Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục trong Báo cáo tài chính hợp nhất này với tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

^[2]Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/HĐQT - SDGHN ngày 10/03/2013, Công ty mẹ thực hiện thoái vốn và chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng từ ngày 31/03/2013 do đó Công ty chỉ thực hiện hợp nhất đối với Báo cáo tài chính của Công ty này đến ngày 31/03/2013.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24/05/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 /04/2010, hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định

của pháp luật);

- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.5. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền năm.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

Từ tháng 6 năm 2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau: Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu VND lên 30 triệu VND. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn 3 năm tài chính.

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận dựa vào số tiền góp vốn thực tế theo hợp đồng góp vốn dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa các bên tham gia để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của khu đất tương ứng với tỷ lệ góp vốn trên tổng mức vốn đầu tư của Dự án sau khi Dự án hoàn thành.

2.11. Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự

phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí bán hàng được thực hiện phân bổ vào giá thành theo sản lượng sách nhập kho. Trong trường hợp số phân bổ tính theo phương pháp phân bổ theo thời gian lớn hơn phương pháp phân bổ theo sản lượng thì phần chênh lệch sẽ được ghi nhận thẳng vào giá vốn hàng bán.

Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá trị xuất kho của các loại sách không chịu thuế và tổng giá trị tồn kho đầu kỳ cộng giá trị nhập kho trong kỳ của các loại sách không chịu thuế.

Chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi

nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Công ty có hai loại thuế suất Thuế TNDN là 10% và 25%. Phần thu nhập của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% bao gồm: Thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản theo Thông tư 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 và thu nhập từ hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản bằng việc thực hiện các công

đoạn hoặc từng công đoạn của hoạt động xuất bản. Các phần thu nhập khác ngoài các hoạt động được hưởng thuế suất ưu đãi 10% của Công ty thì được tính thuế suất 25%.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	226.642.827	433.696.825
Tiền gửi ngân hàng	7.950.249.514	3.677.809.711
Các khoản tương đương tiền	31.000.000.000	58.910.000.000
	39.176.892.341	63.021.506.536

Chi tiết các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng, như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân đội - PGD Nghĩa Tân	3.000.000.000	13.910.000.000
Ngân hàng Maritime Bank - Sở Giao dịch 44 Nguyễn Du	28.000.000.000	45.000.000.000
	31.000.000.000	58.910.000.000

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	290.627.857
Đầu tư ngắn hạn khác	20.705.184.245	8.505.184.245
- Cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay ^[1]	4.705.184.245	4.705.184.245
- Cho Công ty CP In và Phát hành sách Việt Nam vay	-	2.300.000.000
- Cho Công ty Cổ phần sách Dân tộc vay ^[2]	2.000.000.000	1.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng ^[3]	14.000.000.000	-
	20.705.184.245	8.795.812.102

^[1] Hợp đồng vay vốn số 01-2009/NXBGDVN-TH ngày 26/02/2010 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 20.000.000.000 VND;
- Thời gian vay vốn: Tối đa 03 tháng kể từ ngày chuyển tiền cho vay; Thời gian vay vốn gia hạn theo từng phụ lục của Hợp đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Phục vụ kinh doanh và đầu tư;
- Tài sản đảm bảo tiền vay: Tín chấp;
- Lãi suất cho vay: 13%/năm tại thời điểm ký Hợp đồng; Lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ và theo phụ lục Hợp đồng;
- Tiền lãi vay: Tính trên cơ sở số tiền vay và thời gian vay thực tế; Bên cho vay xuất hóa đơn khoản lãi vay vốn hàng tháng;
- Thanh toán tiền gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.

^[2] Hợp đồng vay vốn số 02/SGDHN ngày 30/06/2013 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 3.500.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: Tối đa 06 tháng; Gia hạn thời hạn cho vay theo phụ lục Hợp đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 13%/năm; có thể thay đổi cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;

- Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng.
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp

^[3] Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Maritime Bank bao gồm 2 hợp đồng sau:

Hợp đồng tiền gửi số 02/07102013/MB-SACHGD ngày 07/10/2013 với những nội dung sau:

- Số tiền: 10.000.000.000 VND;
- Thời hạn: 06 tháng kể từ ngày gửi tiền, hợp đồng sẽ tự động gia hạn;
- Lãi suất tiền gửi: 7%/năm; mức lãi suất tại ngày đáo hạn nếu gia hạn hợp đồng;
- Phương thức thanh toán: Trả lãi cuối kỳ.

Hợp đồng tiền gửi 08052013/MB-SACHGD ngày 08/05/2013 với những nội dung sau:

- Số tiền: 4.000.000.000 VND;
- Thời hạn: 06 tháng kể từ ngày gửi tiền, hợp đồng sẽ tự động gia hạn;
- Lãi suất tiền gửi: 7%/năm; mức lãi suất tại ngày đáo hạn nếu gia hạn hợp đồng;
- Phương thức thanh toán: Trả lãi cuối kỳ.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, cổ tức, lợi nhuận được chia	853.067.837	1.232.575.570
Phải thu khác	385.875.928	1.341.255.682
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách Giáo Khoa ^[1]	200.000.000	200.000.000
- Phải thu về tiền bán Cổ phiếu quỹ chưa về tài khoản	-	949.477.240
- Phải thu các đối tượng khác	185.875.928	191.778.442
	1.238.943.765	2.573.831.252

^[1]Theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa” với những nội dung sau:

- Địa điểm thực hiện tại: Ô đất D32 thuộc khu đô thị mới Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Diện tích ô đất là 4550 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Xây dựng tòa nhà cao tầng để làm văn phòng bao gồm 2 khối (khối 1 có 5 tầng, khối 2 có 15 tầng) và 01 tầng hầm; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của công trình tương ứng với tỉ lệ góp vốn/ tổng mức đầu tư xây dựng và hoàn thành công trình trong thời hạn 45 năm kể từ ngày hoàn thiện công trình;
- Tổng vốn góp dự kiến: 220 tỷ VND, trong đó: Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 15%. Tại thời điểm 31/12/2013 phần vốn góp thực tế là 200.000.000 VND và Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	145.513.037	13.717.680.570
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.900.926.204	7.291.513.439
Thành phẩm	13.590.439.291	13.088.456.550
Hàng hoá	3.298.326.837	5.353.549.527
Hàng gửi đi bán	2.184.167.914	1.608.185.362
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.213.507.891)	(2.640.436.055)
	32.905.865.392	38.418.949.393

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ kết chuyển	787.928.067	781.732.308
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	29.650.000	-
	817.578.067	781.732.308

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	221.282.649	509.879.200
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.293.843.003	813.826.847
	1.515.125.652	1.323.706.047

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.476.986.339	62.632.856	2.654.008.764	608.636.840	4.802.264.799
Số tăng trong năm	-	31.336.000	-	257.079.364	288.415.364
- Mua trong năm	-	31.336.000	-	257.079.364	288.415.364
Số giảm trong năm	(1.476.986.339)	(62.632.856)	(329.464.619)	(357.063.438)	(2.226.147.252)
- Giảm do thoái vốn đầu tư vào Công ty con	(1.476.986.339)	-	(329.464.619)	(54.512.857)	(1.860.963.815)
- Giảm do điều chỉnh theo Thông tư 45/TT-BTC ngày 25/04/2013	-	(62.632.856)	-	(302.550.581)	(365.183.437)
Số dư cuối năm	-	31.336.000	2.324.544.145	508.652.766	2.864.532.911
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	611.140.364	39.912.887	2.069.009.206	509.442.327	3.229.504.784
Số tăng trong năm	23.752.044	7.718.583	308.111.178	48.574.031	388.155.836
- Khấu hao trong năm	23.752.044	7.718.583	308.111.178	48.574.031	388.155.836
Số giảm trong năm	(634.892.408)	(44.931.470)	(329.464.619)	(275.625.740)	(1.284.914.237)
- Giảm do thoái vốn đầu tư vào Công ty con	(634.892.408)	-	(329.464.619)	(43.312.852)	(1.007.669.879)
- Giảm do điều chỉnh theo Thông tư 45/TT-BTC ngày 25/04/2013	-	(44.931.470)	-	(232.312.888)	(277.244.358)
Số dư cuối năm	-	2.700.000	2.047.655.765	282.390.618	2.332.746.383
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	865.845.975	22.719.969	584.999.558	99.194.513	1.572.760.015
Tại ngày cuối năm	-	28.636.000	276.888.380	226.262.148	531.786.528

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.775.775.162 VND.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	167.617.546	167.617.546
Số tăng trong năm	-	-
Số giảm trong năm	(167.617.546)	(167.617.546)
- Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(65.817.546)	(65.817.546)
- Giảm do điều chỉnh theo Thông tư 45/TT-BTC ngày 25/04/2013	(101.800.000)	(101.800.000)
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	96.452.025	96.452.025
Số tăng trong năm	10.770.879	10.770.879
- Khấu hao trong năm	10.770.879	10.770.879
Số giảm trong năm	(107.222.904)	(107.222.904)
- Giảm do thoái vốn đầu tư vào công ty con	(29.617.906)	(29.617.906)
- Giảm do điều chỉnh theo Thông tư 45/TT-BTC ngày 25/04/2013	(77.604.998)	(77.604.998)
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	71.165.521	71.165.521
Tại ngày cuối năm	-	-

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỮ DANG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án nhà kho tại xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	2.240.500.000	1.915.500.000
	2.240.500.000	1.915.500.000

^[1]Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan; Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất do Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của khu đất tương ứng với tỉ lệ góp vốn/ tổng mức vốn đầu tư của dự án;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: Phần góp vốn của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND.
- Theo hợp đồng này đến thời điểm 01/01/2013, Công ty đã thực hiện góp đủ số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.915.500.000 VND.

Trong năm 2013, Theo Biên bản hợp ngày 06/06/2013 giữa 5 công ty trên đã thống nhất: Tiếp tục thực hiện Dự án và cùng nhau đóng góp kinh phí để thực hiện các giai đoạn còn lại của Dự án; Riêng phần tham gia đầu tư của Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục Hà Nội sẽ chuyển giao lại toàn bộ cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam; Đồng ý ký kết hợp đồng với Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam để thực hiện dịch vụ xin cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Giấy phép xây dựng cho Dự án. Sau khi ký kết Biên bản này, thực hiện theo các Công văn phân bổ kinh phí của Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội, Công ty đã ứng tiếp số tiền thực hiện dự án là 325.000.000 VND. Tại thời điểm 31/12/2013, Công ty đã góp số kinh phí để thực hiện dự án là 2.240.500.000 VND VND.

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	15.331.000.000	750.000.000
- Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000
- Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng ^[1]	180.000.000	-
- Tiền ủy thác đầu tư cho Ông Phạm Mạnh Thắng ^[2]	14.401.000.000	-
	15.331.000.000	750.000.000

^[1]Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 03/HĐQT - SDGHN ngày 10/03/2013, Công ty đã thực hiện thoái vốn và chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng. Khoản góp vốn tại Công ty Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng trước khi thoái vốn là 1.980.000.000 VND tương ứng 110.000 cổ phần, chiếm 55% vốn điều lệ. Số vốn góp còn lại là 180.000.000 VND tương ứng 10.000 cổ phần chiếm 5% vốn điều lệ được chuyển sang theo dõi trên khoản mục Đầu tư dài hạn khác. Việc thực hiện thoái vốn và chuyển nhượng vốn theo các hợp đồng sau:

a. Hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần Công ty Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng ngày 20/03/2013 với những nội dung như sau:

- Bên nhận chuyển nhượng: Ông Nguyễn Đình San;
- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 10.000 cổ phần;
- Giá bán: 18.000 VND/cổ phần;
- Tổng giá trị hợp đồng: 180.000.000 VND.

b. Hợp đồng chuyển nhượng vốn cổ phần Công ty Sách và Thiết bị trường học Tại Cao Bằng ngày 20/03/2013 với những nội dung như sau:

- Bên nhận chuyển nhượng: Ông Trần Đức Hậu;
- Tổng số cổ phần chuyển nhượng: 90.000 cổ phần;
- Giá bán: 18.000 VND/cổ phần;
- Tổng giá trị hợp đồng: 1.620.000.000 VND.

^[2]Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2013 ngày 08/05/2013 với những nội dung sau:

- Mục đích đầu tư: Đầu tư vào các lĩnh vực, dự án kinh doanh có hiệu quả;
- Tổng số tiền: 20.000.000.000 VND;
- Thời hạn ủy thác: Tối đa 02 năm tính từ thời điểm chuyển tiền;
- Phí ủy thác đầu tư: 0,5%/năm tính trên tổng giá trị ủy thác. Lợi tức là 7,5%/năm trên tổng số vốn thực tế sử dụng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.035.732.939	6.890.244.040
Số tăng trong năm	7.098.528.191	11.371.211.309
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(7.323.799.206)	(10.225.722.410)
Số dư cuối năm	7.810.461.924	8.035.732.939

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí bản thảo	3.064.609.932	4.030.051.121
Chi phí thuê kho tại KCN Nam Thăng Long trong 9 năm	3.596.590.910	4.005.681.818
Chi phí sửa chữa Cửa hàng	1.074.505.027	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	74.756.055	-
	7.810.461.924	8.035.732.939

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	489.027.795	558.888.909
Số tăng trong năm	-	-
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm	(17.465.278)	(69.861.114)
Số giảm do thoái vốn đầu tư	(471.562.517)	-
	-	489.027.795

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	108.997.195	147.286.113
Thuế thu nhập doanh nghiệp	362.453.850	17.670.551
Thuế thu nhập cá nhân	210.581.224	152.212.613
	682.032.269	317.169.277

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí dịch vụ thương mại phải trả	-	434.006.235
Trích trước chi phí thường doanh số và hoa hồng môi giới	758.850.833	1.179.040.993
Chi phí bán thảo và phí phát hành	297.529.800	139.857.582
Trích trước chi phí bảo trì cập nhật phần mềm	-	50.000.000
Trích trước phí quản lý xuất bản	319.582.865	-
Chi phí phải trả khác	-	65.572.266
	1.375.963.498	1.868.477.076

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	85.699.259	88.579.611
Bảo hiểm xã hội	55.846.763	10.603.009
Bảo hiểm y tế	10.517.891	1.432.881
Bảo hiểm thất nghiệp	5.925.109	1.754.510
Các khoản phải trả, phải nộp khác	77.855.506	143.177.626
- Cổ tức phải trả chủ sở hữu	36.479.600	16.484.600
- Phải trả, phải nộp khác	41.375.906	126.693.026
	235.844.528	245.547.637

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	102.194.840.000	(765.000.000)	36.199.650	(6.550.527.860)	2.749.504.745	1.429.483.052	10.186.483.138	109.280.982.725
Bán cổ phiếu quỹ	-	512.703.482	-	2.650.726.978	-	-	-	3.163.430.460
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(190.405.984)	-	-	-	(190.405.984)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	24.228.230.200	24.228.230.200
Trả cổ tức năm 2011	-	-	-	-	-	-	(9.198.784.000)	(9.198.784.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	12.008.215.626	122.749.666	(12.130.965.292)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.849.665.248)	(1.849.665.248)
Số dư cuối năm trước	102.194.840.000	(252.296.518)	36.199.650	(4.090.206.866)	14.757.720.371	1.552.232.718	11.235.298.798	125.433.788.153
Số dư đầu năm nay	102.194.840.000	(252.296.518)	36.199.650	(4.090.206.866)	14.757.720.371	1.552.232.718	11.235.298.798	125.433.788.153
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(1.731.925.469)	-	-	-	(1.731.925.469)
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	8.654.533.508	8.654.533.508
Trả cổ tức năm 2012 ^[1]	-	-	-	-	-	-	(9.600.184.000)	(9.600.184.000)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	80.007.334	(80.007.334)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(1.444.364.110)	(1.444.364.110)
Điều chỉnh do thoái vốn đầu tư vào công ty con	-	-	(36.199.650)	-	20.704.755	(7.036.225)	-	(22.531.120)
Số dư cuối năm nay	102.194.840.000	(252.296.518)	-	(5.822.132.335)	14.778.425.126	1.625.203.827	8.765.276.862	121.289.316.962

^[1]Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 71/SGDHN ngày 25/04/2013 đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ trả cổ tức năm 2012 là 10%/Cổ phần, tương đương số tiền: 9.600.184.000 VND.

Công ty đã thực hiện tạm phân phối các quỹ từ Lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 71/SGDHN ngày 25/04/2013, cụ thể như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2013 tại Công ty mẹ		8.000.733.405
Trích Quỹ Đầu tư phát triển		-
Lợi nhuận còn lại sau trích quỹ Đầu tư phát triển	100%	8.000.733.405
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	1%	80.007.334
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	1.200.110.010
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối tại Công ty mẹ		6.720.616.061

Việc trích lập các quỹ như trên có thể thay đổi khi Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2014 thông qua kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2013.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	5.928.000.000	5,80%	5.928.000.000	5,80%
Cổ phiếu quỹ	8.371.000.000	8,19%	6.193.000.000	6,06%
Vốn góp của đối tượng khác	87.895.840.000	86,01%	90.073.840.000	88,14%
- Ông Peter Eric Dennis	6.812.000.000	6,67%	-	0,00%
- Mutual Fund Elite (Non- Ucits)	10.000.000.000	9,79%	-	0,00%
- Mekong Porfolio investments limited	5.890.000.000	5,76%	-	0,00%
- Các đối tượng khác	65.193.840.000	63,79%	90.073.840.000	88,14%
Cộng	102.194.840.000	100,00%	102.194.840.000	100,00%

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu phổ thông	10.219.484	10.219.484
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	837.100	619.300
- Cổ phiếu phổ thông	837.100	619.300
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.382.384	9.600.184
- Cổ phiếu phổ thông	9.382.384	9.600.184
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ Đầu tư phát triển	14.778.425.126	14.757.720.371
Quỹ Dự phòng tài chính	1.625.203.827	1.552.232.718

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	123.741.662.835	147.699.589.506
- Doanh thu Sách Giáo khoa	10.238.713.935	13.088.882.839
- Doanh thu Sách Tham khảo	83.332.123.579	94.541.569.426
- Doanh thu Sách Bổ trợ	12.324.899.353	10.941.090.432
- Doanh thu thiết bị giáo dục	9.008.782.896	21.488.896.534
- Doanh thu bán vật tư	516.563.895	644.848.602
- Doanh thu Văn phòng phẩm	8.187.116.433	3.101.010.784
- Doanh thu các mặt hàng khác	133.462.744	3.893.290.889
Doanh thu cung cấp dịch vụ	65.454.544	65.454.544
	123.807.117.379	147.765.044.050

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại Sách tham khảo	78.840.674	231.196.168
	78.840.674	231.196.168

21. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng	123.662.822.161	147.468.393.338
- Doanh thu Sách Giáo khoa	10.238.713.935	13.088.882.839
- Doanh thu Sách Tham khảo	83.253.282.905	94.310.373.258
- Doanh thu Sách Bổ trợ	12.324.899.353	10.941.090.432
- Doanh thu thiết bị giáo dục	9.008.782.896	21.488.896.534
- Doanh thu bán vật tư	516.563.895	644.848.602
- Doanh thu Văn phòng phẩm	8.187.116.433	3.101.010.784
- Doanh thu các mặt hàng khác	133.462.744	3.893.290.889
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	65.454.544	65.454.544
	123.728.276.705	147.533.847.882

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	93.966.185.174	117.123.153.555
- Giá vốn Sách Giáo khoa	6.584.143.818	11.317.560.389
- Giá vốn Sách Tham khảo	62.470.187.860	71.960.986.244
- Giá vốn Sách Bổ trợ	9.773.577.871	8.763.530.652
- Giá vốn thiết bị giáo dục	8.610.794.028	20.146.889.839
- Giá vốn bán vật tư	514.003.351	635.156.624
- Giá vốn Văn phòng phẩm	6.013.478.246	2.149.392.800
- Giá vốn các mặt hàng khác	-	2.149.637.007
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	660.111.239	1.191.863.471
	94.626.296.413	118.315.017.026

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.154.722.692	8.891.955.177
Lãi bán cổ phiếu	53.965.158	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	161.940.000	195.000.000
Lãi hoạt động ủy thác đầu tư	426.775.068	-
Chiết khấu thanh toán	-	13.274.700
Lãi do thoái vốn đầu tư vào Công ty con	118.122.264	-
	4.915.525.182	9.100.229.877

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	51.058.434	80.108.322
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	947.003.796
Chi phí ủy thác đầu tư	-	25.932.808
Chi phí tài chính khác	-	192.500
	51.058.434	1.053.237.426

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.302.807	54.739.150
Chi phí nhân công	7.302.858.633	5.918.111.252
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	491.979.880	366.370.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122.523.324	303.049.216
Thuế, phí và lệ phí	86.359.339	64.592.867
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.914.442.161	5.393.661.188
Chi phí khác bằng tiền	2.548.797.739	2.403.366.121
	15.469.263.883	14.503.890.175

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.499.954	3.118.389
Chi phí nhân công	3.765.466.227	3.928.261.953
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	43.564.544	90.646.934
Chi phí khấu hao tài sản cố định	247.760.471	272.687.139
Thuế phí, lệ phí	44.011.340	11.383.000
Chi phí dự phòng	504.753.851	204.559.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.499.789.447	1.888.580.165
Chi phí khác bằng tiền	967.816.600	1.905.488.401
Lợi thế thương mại	17.465.278	69.861.114
	8.098.127.712	8.374.586.186

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ ^[1]	-	28.980.716.409
Thu nhập khác	348.591.571	336.139.665
	348.591.571	29.316.856.074

^[1]Trong năm 2012, thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ chủ yếu là khoản Thu nhập chuyển nhượng tòa nhà 5 tầng (Căn hộ 103,203,303, 403, 503 tại Lô B1, DN 14/3 Khu đô thị Nghĩa Đô, Đường Nguyễn Khánh Toàn, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội - là Văn phòng cũ của Công ty) cho Ông Như Văn Quang với số tiền: 28.751.625.500 VND và Giá trị còn lại của tài sản thanh lý nêu trên với số tiền: 12.410.851.182 VND được phản ánh vào Chi phí khác.

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	12.410.851.182
Chi phí khác	318.297.026	194.473.672
	318.297.026	12.605.324.854

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thuế TNDN hiện hành của hoạt động kinh doanh	1.872.272.552	2.722.513.143
Thuế TNDN hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	4.043.324.261
	1.872.272.552	6.765.837.404

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.654.533.508	24.228.230.200
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.654.533.508	24.228.230.200
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.486.945	9.293.992
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	912	2.607

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.374.626.561	17.635.676.403
Chi phí nhân công	11.263.577.634	9.846.373.205
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	535.544.424	457.017.315
Chi phí khấu hao tài sản cố định	398.926.715	575.736.355
Thuế, phí và lệ phí	130.370.679	106.753.345
Chi phí dự phòng	504.753.851	204.559.091
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.543.951.718	29.950.907.334
Chi phí khác bằng tiền	3.561.517.974	4.524.796.613
	77.313.269.556	63.301.819.661

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2013		01/01/2013	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.176.892.341	-	63.021.506.536	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	25.563.954.921	(1.921.791.046)	42.296.541.693	(1.769.275.777)
Các khoản cho vay	20.705.184.245	-	8.505.184.245	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	290.627.857	-
Đầu tư dài hạn	15.331.000.000	-	750.000.000	-
Cộng	100.777.031.507	(1.921.791.046)	114.863.860.331	(1.769.275.777)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	-	690.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	19.560.414.434	34.849.224.607
Chi phí phải trả	1.375.963.498	1.868.477.076
Cộng	20.936.377.932	37.407.701.683

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ

hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.176.892.341	-	-	39.176.892.341
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.642.163.875	-	-	23.642.163.875
Các khoản cho vay	20.705.184.245	-	-	20.705.184.245
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
Đầu tư dài hạn	-	15.331.000.000	-	15.331.000.000
Cộng	83.524.240.461	15.331.000.000	-	98.855.240.461
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.021.506.536	-	-	63.021.506.536
Phải thu khách hàng, phải thu khác	40.527.265.916	-	-	40.527.265.916
Các khoản cho vay	8.505.184.245	-	-	8.505.184.245
Đầu tư ngắn hạn	290.627.857	-	-	290.627.857
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	-	750.000.000
Cộng	112.344.584.554	750.000.000	-	113.094.584.554

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	19.514.414.434	46.000.000	-	19.560.414.434
Chi phí phải trả	1.375.963.498	-	-	1.375.963.498
Cộng	20.890.377.932	46.000.000	-	20.936.377.932
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	690.000.000	-	-	690.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	34.803.224.607	46.000.000	-	34.849.224.607
Chi phí phải trả	1.868.477.076	-	-	1.868.477.076
Cộng	37.361.701.683	46.000.000	-	37.407.701.683

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33. CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ VÀ CÁC KHOẢN TIỀN DO DOANH NGHIỆP NẤM GIỮ NHƯNG KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thanh lý công ty con trong năm báo cáo:		
- Tổng giá trị thanh lý	1.980.000.000	-
- Phần giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền	1.800.000.000	-
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con được thanh lý	19.683.481	-
- Phần giá trị tài sản và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con được thanh lý trong năm:		
+ Phải thu khách hàng	1.432.142.138	-
+ Người mua trả tiền trước	12.859.597	-
+ Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	17.670.551	-
+ Vay ngắn hạn	33.000.000	-
Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng ^[*]	1.378.843.003	814.551.798

^[*]Bao gồm: Các khoản tiền theo các Hợp đồng cấp bảo lãnh giữa Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Sở giao dịch và Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội, khoản tiền đặt cọc thuê nhà, đặt cọc tại nhà máy nước Quang Minh .

34. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/HĐQT-SGDHN ngày 06/02/2014 đã thông qua phương án mua 1.400.000 cổ phiếu quỹ từ nguồn vốn Quỹ đầu tư phát triển nhằm mục đích bình ổn giá và đầu tư tài chính. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đang tiến hành các thủ tục để triển khai thực hiện chủ trương nêu trên.

Ngoài ra không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

35. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	101.920.285	152.081.516
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD Việt	-	29.670.000
Trả cổ tức			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	592.800.000	592.800.000
Mua hàng hóa dịch vụ			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	-	575.169.921
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Trực thuộc NXBGD Việt	3.183.240.126	1.288.377.201
Nhà xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD Việt	-	6.571.428
Lãi vay phải thu			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt nam	Ảnh hưởng đáng kể	502.118.831	808.475.264

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Mối quan hệ	31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
Phải thu			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	279.141.210	818.937.851
Phải thu về vốn cho vay			
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Ảnh hưởng đáng kể	4.705.184.245	4.705.184.245
Phải trả			
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà nội	Trực thuộc NXBGD Việt	109.428.001	10.383.600
Nhà xuất bản giáo dục tại TP Đà Nẵng	Trực thuộc NXBGD Việt	-	148.002.860
Nhà xuất bản giáo dục tại TP HCM	Trực thuộc NXBGD Việt	75.563.700	75.563.700

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	1.630.234.868	2.004.731.004

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) (nay là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính này đã được thay đổi do:

- Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2012 do việc thay đổi mức thuế suất từ 25% xuống 10% đối với hoạt động xuất bản theo hướng dẫn của thông tư 123/2012/BTC-TT ngày 27/07/2012 và theo hướng dẫn tại Công văn số 6833/BTC-CST về thuế TNDN đối với hoạt động xuất bản theo quy định của Luật Xuất bản của Bộ Tài chính ngày 29/05/2013; và
- Phân loại lại các chi phí đầu tư góp vốn vào Dự án Nhà kho tại Đông Anh - Hà Nội với tổng giá trị là 1.915.500.000 VND từ khoản mục các khoản phải thu khác sang khoản mục Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang (Xem thêm tại Thuyết minh 11) cho phù hợp và để có thể so sánh với số liệu năm nay.

Việc phân loại lại các chỉ tiêu được thực hiện cụ thể như sau:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
a/ Bảng Cân đối kế toán			
Các khoản phải thu khác	135	2.572.331.252	4.487.831.252
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	359.984.603	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	1.915.500.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	317.169.277	500.750.975
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	674.447.916	592.912.971
Quỹ dự phòng tài chính	418	1.552.232.718	1.546.797.055
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	11.235.298.798	10.778.703.105
b/ Báo cáo Kết quả kinh doanh			
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.765.837.404	7.309.403.705

Cần Hữu Hải

Giám đốc

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2014.

Vũ Thị Minh Nguyệt

Trưởng phòng Kế toán

Phạm Thị Hạnh

Người lập